

Số: /STNMT-CCBVMT

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2020

V/v hướng dẫn kê khai, nộp phí BVMT đối
với nước thải công nghiệp theo Nghị định số
53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020

Kính gửi: Các cơ sở sản xuất, chế biến trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ Nghị định số 53/2020/NĐ-CP Ngày 05/5/2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải (Nghị định có hiệu lực từ ngày **01/7/2020** và thay thế Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính phủ).

Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, chế biến (cơ sở) thuộc đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp như sau:

1. Đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp

Đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp là các cơ sở hoạt động thuộc các loại hình theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP.

2. Mức phí

a. Trường hợp cơ sở có tổng lượng nước thải trung bình trong năm dưới 20 m³/ngày đêm:

- Năm 2020 áp dụng mức phí là 1.500.000 đồng/năm.
- Kể từ ngày 01/01/2021 trở đi, áp dụng theo Biểu sau:

| STT | Lưu lượng nước thải bình quân (m ³ /ngày) | Mức phí (đồng/năm) |
|-----|--|--------------------|
| 1. | Từ 10 đến dưới 20 | 4.000.000 |
| 2. | Từ 5 đến dưới 10 | 3.000.000 |
| 3. | Dưới 5 | 2.500.000 |

b. Trường hợp cơ sở có tổng lượng nước thải trung bình trong năm từ 20 m³/ngày đêm trở lên, được tính theo công thức sau:

$$F_q = (f/4) + C_q$$

Trong đó:

- F_q : là số phí phải nộp trong quý (đồng);

- f: là phí cố định, năm 2020 là 1.500.000 đồng/năm, kể từ ngày 01/01/2021 trở đi áp dụng mức phí là 4.000.000 đồng/năm.

- C_q : số phí biến đổi (tổng số phí phải nộp của các thông số ô nhiễm có trong nước thải) phải nộp trong quý, theo công thức sau:

$$\text{Số phí phải nộp (đồng)} = \text{Tổng lượng nước thải thải vào nguồn tiếp nhận (m}^3\text{)} \times \text{Hàm lượng thông số ô nhiễm có trong nước thải (mg/l)} \times 0,001 \times \text{Mức thu phí của thông số ô nhiễm (đồng/kg)}$$

Trong đó:

- Trường hợp cơ sở thuộc đối tượng thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo quy định pháp luật: Căn cứ xác định hàm lượng thông số ô nhiễm trong nước thải để kê khai, tính phí là số liệu quan trắc nước thải định kỳ 03 tháng/lần. Trường hợp cơ sở có tần suất quan trắc nước thải định kỳ là 06 tháng/lần, việc kê khai, tính phí của quý không thực hiện quan trắc căn cứ số liệu quan trắc của quý trước đó.

- Trường hợp cơ sở thuộc đối tượng thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định pháp luật: Việc kê khai, tính toán, thẩm định số phí phải nộp được xác định theo từng kỳ 24 giờ, trong đó: hàm lượng các thông số ô nhiễm tính phí và tổng lượng nước thải thải ra của cơ sở được tính theo giá trị trung bình ngày (24 giờ) của các kết quả đo. Trường hợp thông số ô nhiễm tính phí không thuộc các thông số quan trắc nước thải tự động, liên tục thì hàm lượng các thông số ô nhiễm theo số liệu quan trắc định kỳ.

- Tổng lượng nước thải được xác định căn cứ vào 1 trong 3 nguồn dữ liệu sau: (i) Kết quả thực tế của đồng hồ, thiết bị đo lưu lượng; (ii) Tính bằng 80% lượng nước sử dụng; (iii) Thông tin có trong báo cáo giám sát môi trường định kỳ. Trường hợp có 2 nguồn dữ liệu ((i) và (ii) hoặc (i) và (iii)) hoặc cả 3 nguồn dữ liệu thì sử dụng nguồn dữ liệu (i). Trường hợp có 02 nguồn dữ liệu (ii) và (iii) thì sử dụng nguồn dữ liệu (ii).

- Mức thu phí của thông số ô nhiễm theo biểu dưới đây:

| STT | Thông số ô nhiễm tính phí | Mức phí (đồng/kg) |
|-----|---------------------------|-------------------|
| 1 | COD | 2.000 |
| 2 | TSS | 2.400 |
| 3 | Hg | 20.000.000 |
| 4 | Pb | 1.000.000 |
| 5 | As | 2.000.000 |
| 6 | Cd | 2.000.000 |

3. Kê khai, thẩm định tờ khai và nộp phí

- *Trường hợp cơ sở có tổng lượng nước thải trung bình trong năm dưới*

20 m³/ngày đêm: Kê khai phí một lần về Sở Tài nguyên và Môi trường (thông qua Chi cục Bảo vệ môi trường) khi mới bắt đầu hoạt động theo Mẫu số 02 Nghị định 53/2020/NĐ-CP, thời gian khai chậm nhất là ngày 20 tháng liền sau tháng bắt đầu hoạt động. Nộp phí một lần cho cả năm theo Thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường, thời hạn nộp phí chậm nhất là ngày 31/3 hàng năm.

- **Trường hợp cơ sở có tổng lượng nước thải trung bình trong năm từ 20 m³/ngày đêm trở lên:** Hàng quý, chậm nhất là ngày 20 của tháng đầu tiên của quý tiếp theo, thực hiện kê khai theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP nộp về Sở Tài nguyên và Môi trường (thông qua Chi cục Bảo vệ môi trường) để được thẩm định theo quy định. Nộp phí trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi có Thông báo.

- Sau khi nhận được Thông báo số tiền phí nước thải công nghiệp, các cơ sở có trách nhiệm nộp vào Kho bạc Nhà nước Khánh Hòa, **chủ tài khoản: Chi cục Bảo vệ môi trường, tài khoản số: 3511.0.1085919.00000.**

Lưu ý: để đảm bảo việc khách quan trong công tác kê khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị các Chủ cơ sở khi nộp tờ khai thu phí phải gửi kèm các tài liệu liên quan: bản sao hóa đơn tiền nước, đối với trường hợp có giấy phép khai thác sử dụng nước, kê khai khối lượng theo đồng hồ đo lưu lượng; bản sao kết quả phân tích mẫu nước thải và các tài liệu có liên quan.

Định kỳ hoặc đột xuất Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Bảo vệ môi trường) sẽ tiến hành kiểm tra thực tế cơ sở để thẩm định tờ khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp theo quy định. Đề nghị các Chủ cơ sở thực hiện nghiêm túc trong công tác kê khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp và tạo điều kiện thuận lợi, phối hợp với Đoàn kiểm tra khi tiến hành kiểm tra thực tế tại cơ sở để thẩm định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp.

Trong quá trình thực hiện nếu gặp khó khăn vướng mắc liên hệ: Chi cục Bảo vệ môi trường – Sở Tài nguyên và Môi trường, địa chỉ số 14 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang - Điện thoại: (0258) 3815650 để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Theo danh sách;
- UBND tỉnh (b/c-VBĐT);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố (VBĐT);
- Lưu: VT, CCBVMT, T.H.N.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Đồng